

Triều đình cử một số quan tướng thực hiện việc bình định nhưng bất thành. Năm 1837, Nguyễn Tri Phương được lệnh đến Gia Định để xem xét tình hình. Trước sự kháng cự dũng mãnh của quân Lê Văn Khôi, nhiều viên tướng bàn tính gấp rút đánh thành Phiên An. Thế nhưng, với cách nhìn toàn cục thấu đáo, Nguyễn Tri Phương dâng sớ xin vua cho tạm lưu lại ở Gia Định để điều nghiên, nắm chắc tình hình để ra phương án đánh thành hiệu quả nhất. Ông đã trực tiếp chỉ huy binh sỹ tấn công vào những điểm yếu, tiêu diệt quân phiến loạn chiếm lại thành Phiên An, thiết lập lại trật tự, lập công lớn với triều đình, đem lại cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Dưới thời vua Thiệu Trị (1841 - 1847), Nguyễn Tri Phương quản lý phủ Nội vụ năm 1841. Sau đó, chuyển ông sang làm Quản lý thủy sư kinh kỳ rồi Tả Tham tri bộ công. Từ thời vua Thiệu Trị đến Tự Đức, giai đoạn đất nước có nhiều biến động trước nạn ngoại xâm, liên quan đến lãnh thổ, Nguyễn Tri Phương được tin dùng trong những trọng trách chỉ huy quân chống giặc. Đặc biệt, từ năm 1841 trở về sau, sự nghiệp của danh tướng Nguyễn Tri Phương gắn liền với những mặt trận chống ngoại xâm trên cả đất nước từ Trung Bộ, Nam Bộ và Bắc Bộ. Nguyễn Tri Phương là một viên tướng tài năng, đức độ, chí lớn, tận tụy với công việc, tận trung với triều đình, luôn nghĩ về đại nghĩa của dân tộc.

Những năm đầu của thập niên 40, thế kỷ XIX, quân Xiêm cấu kết với thổ phỉ phủ Ba Xuyên, tỉnh An Giang nổi loạn. Năm 1841, vua Thiệu Trị cử Nguyễn Tri Phương làm Tuần phủ An Giang, Hộ lý quan phòng Tổng đốc An Hà bình định dẹp loạn. Với tài thao lược, điều binh khiển tướng, được nhân dân ủng hộ, ông đã lãnh đạo quân sỹ đánh bại quân Xiêm và thổ phỉ. Năm 1842, ông tiếp tục chỉ huy đánh bại thủy binh quân Xiêm, sau đó xuất quân, bình ổn xứ Cao Miên, được vua ban thưởng và phong làm Tổng đốc Long Tường. Một năm sau tiếp tục phong làm Tổng đốc An Hà.

Tháng 6 năm 1847, Nguyễn Tri Phương về kinh thành Huế được vua Thiệu Trị ban thưởng và phong là An Tây Trí Dũng tướng, Hiệp biện Đại

học sĩ, tước Tráng liệt tử, lãnh Thượng thư bộ Công, sung Cơ mật viện đại thần. Tương truyền, chiếc áo lụa đỏ vua Thiệu Trị ban thưởng cho ông có đề bốn câu thơ:

Phiên âm:

*Giải y, quốc sửng biên cương định  
Tứ phiến, hoàng phong hóa vũ huân  
Thâm niệm tuyên lao hà dĩ đáp  
Đan như vạn vật tải kỷ nguyên huân.*

Dịch nghĩa:

*Cởi áo ban cho là ơn của nước để đền công dẹp yên biên cương.  
Cho quạt là cho gió mát của nhà vua khắp trong cõi  
Nghĩ đến công khó nhọc lấy gì để báo đáp  
Thư san ghi chép công đều đến mãi muôn đời.*

Tên của Nguyễn Tri Phương được ghi vào súng Bảo Đại định công an dân hòa chúng thượng tướng quân và khắc vào bia đá dựng ở võ miếu. Sau đó, vua Thiệu Trị còn phong cho Nguyễn Tri Phương Phụ Chính đại thần.

Dưới thời vua Tự Đức, Nguyễn Tri Phương tận tâm cống hiến và được vua tin yêu, giao những trọng trách của đất nước. Năm 1847, vua Tự Đức phong cho Nguyễn Tri Phương tước Tráng liệt bá. Giai đoạn này, triều đình nhà Nguyễn quan tâm đến sự quản lý chặt chẽ và phát triển đối với vùng đất Nam Kỳ, vì vậy năm 1850, Nguyễn Tri Phương được sung chức Kinh lược xứ ở Nam kỳ, lãnh Tổng đốc Định Biên, kiêm coi hai đạo Long Tường và An Hà. Nhận nhiệm vụ mới, Nguyễn Tri Phương đã tiến hành một chủ trương hình thành đồn điền, lập ấp để mở mang thêm đất đai, tạo nguồn lương thực. Song song với việc dùng binh lính khai mở đồn điền, Nguyễn Tri Phương cho tập trung dân lưu tán để an cư lạc nghiệp, tạo nên đời sống yên ổn cho người dân và bình ổn trong

quản lý. Năm 1855, ông về kinh thành Huế rồi sau đó, về quê nhà an nghỉ cho đến năm 1857.

Năm 1858, đánh dấu một sự kiện lớn đối với nước nhà. Liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công vùng biển Đà Nẵng, mở màn âm mưu thôn tính, xâm lược Việt Nam. Trước sức tấn công của quân địch, quan quân, binh lính triều Nguyễn ở Đà Nẵng thối lui, gánh chịu những hậu quả nặng nề, an nguy đến triều đình Huế. Vua Tự Đức cho triệu Nguyễn Tri Phương về triều và giao trọng trách Tổng thống quân thứ Quảng Nam. Trong tình thế khó khăn, an nguy cả đất nước, ông không hề quản ngại tiếp tục gánh vác sứ mạng cầm quân kháng chiến chống ngoại xâm. Tại Đà Nẵng, Nguyễn Tri Phương thực hiện chiến thuật đắp đồn lũy phòng thủ, tiến gần và phục binh đánh giặc, vừa đánh vừa giữ, buộc chúng phải rút lui sau 18 tháng giao chiến. Thắng lợi này một lần nữa khẳng định tài thao lược quân sự của Nguyễn Tri Phương. Ông được vua Tự Đức ban thưởng nhiều bổng lộc.

Sau khi rút khỏi Đà Nẵng, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tiến đánh Nam Kỳ. Từ cửa biển Vũng Tàu, tiến vào Gia Định, chúng thiết lập một hệ thống đồn trại và ra sức cướp bóc. Quan quân, binh lính triều Nguyễn tại Gia Định tiến đánh nhưng không thu được thắng lợi. Trước tình thế đó, vua Tự Đức phong ông làm Tổng thống quân vụ đại thần quân thứ Gia Định chỉ huy quan quân đánh giặc bảo vệ vùng đất Nam Kỳ. Việc đầu tiên, ông tập trung phát triển kinh tế, an dân, xây dựng thành lũy, nắm bắt tình hình địch, đánh phá đồn làm cho tinh thần địch suy giảm buộc quân Pháp phải rút khỏi đồn Cây Mai - Chợ Lớn. Sau những thắng lợi bước đầu, ông tiếp tục củng cố quân lực, xây dựng hệ thống phòng thủ. Đặc biệt, tập trung xây dựng đại đồn Chí Hòa, với hệ thống chiến lũy dài, tập trung bố trí binh lực thiện chiến ở những vị trí xung yếu.

Ngày 24 tháng 2 năm 1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công đại đồn Chí Hòa, Nguyễn Tri Phương đã lãnh đạo quan binh đánh trả hết sức quyết liệt nhưng do vũ khí, hỏa lực của địch quá mạnh. Sau hơn một ngày giao tranh, Nguyễn Tri Phương và nhiều quan binh bị thương

và hy sinh, trong đó có Nguyễn Duy, em trai của Nguyễn Tri Phương. Để bảo toàn lực lượng, Nguyễn Tri Phương đã cho quân lính rút về Biên Hòa. Tại đây, Nguyễn Tri Phương đã thiết lập, củng cố trận tuyến, cho quân dân trấn giữ những nơi xung yếu, đắp lũy ở Tân Hoa, Trúc Giang, Sông Ký, củng cố lũy Đông Giang, Phước Tứ và Đồng Môn. Ở pháo đài Phước Thắng và cửa Cần Giờ cho quân canh giữ mặt biển. Trên sông Đồng Nai, ông cho đắp cản bằng đá ong để ngăn chặn tàu thuyền địch. Chỗ đắp cản quan trọng nhất là khúc sông Long Đại, độ phân nửa đường sông Nhà Bè - Biên Hòa. Hễ dưới sông có cản thì trên bờ có đồn lũy, bố trí đại bác. Tương truyền, sau khi rút về Biên Hòa trấn giữ, công việc phòng thủ đang gấp rút tiến hành thì Nguyễn Tri Phương nhận được lệnh vua triệu hồi về kinh, nhân dân Biên Hòa đã cản đầu ngựa khẩn cầu ông ở lại đánh giặc đến cùng.

Tháng 9 năm 1862, Nguyễn Tri Phương được triều đình cử ra Bắc lần thứ nhất với chức vụ Tổng thống quân vụ đại thần. Từ năm 1862 đến năm 1866, Nguyễn Tri Phương kiêm nhiệm thêm chức vụ Tổng thống quân vụ ở Tây và Bắc, sau đó chuyển sang Tổng thống quân thứ Hải An. Thời gian này, Nguyễn Tri Phương dồn tâm lực lãnh đạo quan quân thực hiện nhiệm vụ bình định và chiêu dân giữ an các tỉnh biên giới phía Bắc từ miền núi đến duyên hải và một số tỉnh trung du. Lúc bấy giờ, thổ phỉ dư đảng Thái Bình Thiên Quốc từ Trung Quốc tràn sang hoạt động. Trong nước, một số cuộc nổi dậy với danh nghĩa con cháu nhà Lê muốn khôi phục lại lực lượng. Một số nhiệm vụ bước đầu đã thu được những thắng lợi. Tình hình trị an, bình ổn, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của ông. Vua Tự Đức hết lời khen ngợi, ban thưởng và đã gả công chúa Đồng Xuân cho Nguyễn Lâm, con trai của ông.

Năm 1872, Nguyễn Tri Phương đã qua cái tuổi thất thập cổ lai hy, nhưng vẫn được vua Tự Đức cử ra Bắc với chức vụ Khâm Mạng Tuyên sát Đồng sức đại thần với quyền hạn giải quyết mọi việc quân dân. Lúc bấy giờ, quân Pháp từ Nam Kỳ chuyển quân ra Hà Nội và cấu kết với các nhóm vũ trang từ Trung Quốc với ý định đánh chiếm Bắc Kỳ. Trước tình thế này, triều đình lệnh cho Nguyễn Tri Phương giữ thành Hà Nội với

chức Tổng đốc. Sử cũ ghi: "...*Nguyễn Tri Phương đã vì nước, vì vua, làm hết trách nhiệm không thoái thác được*".

Tháng 11 năm 1873, trong trận quyết chiến giữ Thành Hà Nội, con trai Nguyễn Tri Phương là Phò mã Nguyễn Lâm bị trúng đạn chết tại trận, Nguyễn Tri Phương cũng bị trọng thương. Ông được lính Pháp cứu chữa, nhưng ông khẳng khái từ chối và nói rằng: "Bây giờ nếu ta chỉ gắng lây lất mà sống, sao bằng thung dung chết về việc nghĩa". Sau đó, ông tuyệt thực gần một tháng và mất vào ngày 20 tháng 12 năm 1873 (1 tháng 11 Âm lịch), thọ 73 tuổi.

Khắc ghi công lao của Nguyễn Tri Phương, vua Tự Đức truyền quan tỉnh Hà Nội sai quân phu hộ tang quan tài ông và con trai về làng an táng. Năm 1875, vua Tự Đức cho lập đền thờ Nguyễn Tri Phương ở làng Đường Long, phủ Thừa Thiên và truy tặng Binh bộ tả Tham tri. Phò mã Nguyễn Lâm được truy tặng Binh bộ tả Thị Lang. Tán lý Định Biên Nguyễn Duy được truy tặng Binh bộ tả Tham tri.

Đúng như Giáo sư Trần Văn Giàu khi nhận định về Nguyễn Tri Phương như một sự đúc kết khá đầy đủ, đáng trân trọng: "*Nguyễn Tri Phương xuất thân từ giới bình dân, tuy không đỗ đạt gì nhưng do có tài năng và công lao lớn đã trở thành đại thần rường cột của nhà Nguyễn. Dù vậy, ông không lợi dụng địa vị mình để mưu cầu lợi ích riêng tư, suốt đời thành bạch, khi chết của cải để lại cho con cháu chỉ là tiếng thơm. Đặc biệt, ông còn là một vị tướng xuất sắc, đứng đầu các vị tướng hồi thế kỷ trước, khi cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp bắt đầu. Đến khi vua và số đông đại thần dần sâu vào con đường chủ hòa, chủ bại, nhượng bộ rồi đầu hàng giặc thì Nguyễn Tri Phương vẫn là người chủ trương kiên quyết dựa vào sức mạnh của quân dân mình, tự mình bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Nhưng con người vừa có tâm, có tài đó không thực hiện được hoài vọng của mình, thành Hà Nội vỡ, Nguyễn Tri Phương bị thương, bị đặt trong vòng kiềm tỏa của giặc. Đến cảnh ngộ này ông càng tỏ rõ khí phách của mình: tự tay rút bỏ những đồ băng bó, từ chối mọi thứ thuốc men và nhịn ăn cho đến chết. Khí phách đó nhắc nhở, bồi khí*

*phách Việt Nam xưa, khí phách của những bà Trưng, bà Triệu, Trần Bình Trọng, Nguyễn Biều, Đặng Dung... Và chính khí phách đó lại được nối tiếp bằng những khí phách của những Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thúc Nhậm, Nguyễn Cao... cùng nhân dân trong cả nước. Vì vậy, Nguyễn Tri Phương đã chết mà không chết, cuộc đời và cái chết của ông vẫn đem lại sức mạnh, lợi ích cho công cuộc giữ nước của các thế hệ sau"<sup>3</sup>.*

Tấm gương cả một đời tận tụy vì đại nghĩa dân tộc của Nguyễn Tri Phương cùng những người trong họ tộc Nguyễn Tri hy sinh vì nước luôn nhắc nhở cho lớp hậu nhân Biên Hòa - Đồng Nai khắc ghi công lao của vị danh tướng ngời sáng trong một giai đoạn lịch sử lắm bi thương nhưng rất đổi hào hùng của dân tộc.

---

(3) Thái Hồng. Nguyễn Tri Phương (1800 - 1873). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

# **04 | LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN CỦA DI TÍCH**





**Một góc di tích đền thờ Nguyễn Tri Phương**



**T**ừ thế kỷ XVI, người Việt và người Hoa theo đường thủy, tiến dần lên các vùng đất ven sông Đồng Nai lập làng, sinh sống và khai khẩn. Khi các chúa Nguyễn đẩy mạnh chủ trương di dân, khai thác, sản xuất ở Nam Bộ thì sự trù phú càng thể hiện rõ các làng Mỹ Khánh, Tân Bản, Bình Long của Bửu Hòa thuộc huyện Phước Chánh được lập nên một quần thể cư dân với nhiều ngành nghề cùng những thể chế văn hóa mang tính cộng cư, giao thoa giữa các dân tộc, đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, gắn kết cộng đồng. *"Dưới triều Nguyễn, việc lập làng mới luôn đòi hỏi phải có các cơ sở công ích, trước hết là lập chợ, xây cầu, đắp lộ. Đồng thời, các thiết chế văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo: đình, chùa, miếu, võ... cũng được ra đời là nhu cầu về mặt tinh thần, tín ngưỡng, tâm linh không thể thiếu của một làng mới"*<sup>4</sup>.

Nhà văn Sơn Nam cũng từng nhận định: *"Có đình thì mới tạo được thể đứng, gắn bó vào cộng đồng dân tộc và càn khôn vũ trụ, bằng không chỉ là lục bình trôi sông, một dạng lưu dân tập thể"*<sup>5</sup>.

Thông thường mỗi làng người Việt đều có một ngôi đình để thờ Thần Hoàng bốn cảnh. Phần lớn, những ngôi đình ở Biên Hòa có nguồn gốc từ các miếu của thôn, làng. Khi nghiên cứu về đình làng Nam Bộ, có ý kiến cho rằng: *"Đình là chỗ thờ thần Thành hoàng, nơi dân làng hội họp, nơi tổ chức sinh hoạt hội hè đình kỳ thường xuyên. Có một giai đoạn, đình Nam Bộ cũng là trụ sở hành chánh của chính quyền địa phương. Tính chất đa chức năng của đình làng Nam Bộ là một trong những nét cơ bản thể hiện sự phát triển truyền thống vốn có của ngôi đình Việt Nam mà người Việt trong quá trình khai hoang đã mang theo từ miền ngoài vào"*<sup>6</sup>. *"Thành Hoàng là khái niệm Hán-Việt, chế độ Thành Hoàng thuộc tín ngưỡng của người Trung Quốc. Người nông dân Việt*

(4) Dẫn theo Nguyễn Đình Đầu. "Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn, NXB Tp. HCM, 1994, tr 88.

(5) Dẫn theo Sơn Nam. "Đình miếu và lễ hội dân gian Nam bộ" NXB Trẻ, 2009, tr 21.

(6) Huỳnh Quốc Thắng. Lễ hội dân gian ở Nam Bộ. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003.

*Nam mượn cái tên nhưng nội dung hoàn toàn khác. Đó chỉ là lấy áo chữ nghĩa để trùm lên tín ngưỡng bản địa của mình"?*

Về nghĩa ngữ, có thể hiểu "Thành" là thành lũy, "Hoàng" là hào lũy. Thần Thành Hoàng là vị thần trông coi, bảo vệ thành lũy. Như vậy, *"tín ngưỡng thờ Thành Hoàng là sinh hoạt văn hóa thị dân, bao gồm kinh thành, tỉnh thành và quận, huyện thành"*<sup>8</sup>. Tuy nhiên, việc lý giải và nguồn gốc ảnh hưởng trong việc thờ Thành Hoàng của người Việt còn nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu.

Đình làng Mỹ Khánh cũng như các đình làng ở Biên Hòa đều có niên đại khá sớm, gắn liền với quá trình khai khẩn lập làng trên vùng đất mới. Đình thường được xây dựng trên thế đất cao, long mạch tốt, gần khu dân cư tiện cho việc sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân.

Thuở khai sơn, đình Mỹ Khánh chỉ là ngôi miếu nhỏ bằng cây, lợp ngói âm dương do dân sở tại dựng lên để thờ Thổ Thần. Đến năm 1803, được xây dựng lại sau đó đổi tên thành đình và lấy tên làng đặt cho tên đình gọi là đình Mỹ Khánh. Kiến trúc ban đầu gồm: tiền đình, chánh điện.

Năm 1804, xây dựng thêm khu nhà khách, nhà bếp, bộ khung sườn bằng gỗ, mái lợp ngói. Từ tín ngưỡng thờ Thổ Thần chuyển sang tín ngưỡng thờ Thần Thành Hoàng.

Năm 1873, danh tướng Nguyễn Tri Phương mất. Cảm phục trước tấm lòng trung quân, ái quốc của ông, người dân địa phương đã tạc tượng, rước linh vị ông vào thờ tại đình và đổi tên thành đền thờ Nguyễn Tri Phương. Năm Nhâm Thìn (1952), Biên Hòa phải gánh chịu một trận lũ lụt chưa từng có, nhà cửa, ruộng vườn, làng mạc bị nhấn chìm trong

---

(7) Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng (Bảo tàng Đồng Nai). *Làng Bến Cá xưa & nay*. NXB Đồng Nai 1998.

(8) Trương Ngọc Tường và nhóm tác giả. *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*. NXB Tp.Hồ Chí Minh, 1993.

biển nước, đời sống người dân gặp muôn vàn khó khăn. Đền thờ Nguyễn Tri Phương cũng bị hư hại nặng nề. Mãi đến năm 1962, người dân địa phương mới có điều kiện trùng tu, tôn tạo lại đình. Cấu kiện kiến trúc tiền đình được thay mới bằng bê tông, cốt thép, mái lợp ngói tây, nền lát gạch bông, cửa gỗ được thay bằng cửa sắt. Một số liễn đối bằng gỗ được thay bằng liễn xi măng. Năm 1970, nhà khách được tu bổ và xây dựng thêm tường bao phía trước, tường lửng hai bên, cột gỗ tròn được thay thế bằng cột vuông xây bằng gạch thẻ, tô xi măng, quét sơn màu vàng, nền được thay bằng gạch tàu.

Năm 1992, đền thờ Nguyễn Tri Phương được công nhận di tích cấp quốc gia là mốc quan trọng khẳng định vị trí, giá trị lịch sử văn hóa của đền thờ Nguyễn Tri Phương. Đây là niềm tự hào không chỉ của người dân Biên Hòa - Đồng Nai mà còn là niềm tự hào của nhân dân cả nước.

Năm 1995, Bảo tàng Đồng Nai đã thực hiện việc tu bổ, tôn tạo một số hạng mục di tích bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và ngân sách của tỉnh. Bộ mặt di tích trở nên khang trang, các cấu kiện di tích được xử lý, bảo vệ theo đúng quy chế tu bổ, tôn tạo di tích, góp phần làm tăng tuổi thọ các yếu tố di tích gốc.

Năm 2002, một lần nữa đền thờ Nguyễn Tri Phương được tu bổ, tôn tạo với quy mô lớn. Tất cả các cấu kiện kiến trúc của di tích bị hư hỏng được gia cố, gia cường, thay thế đảm bảo sự bền vững lâu dài và không làm thay đổi các yếu tố di tích gốc. Sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện được cải tạo, nâng cấp vừa đảm bảo mỹ quan, tiện dụng sinh hoạt cho người dân, chống ngập úng, hạn chế tối đa sự xâm thực của các loại côn trùng, nấm mốc, mối mọt đến di tích.

Năm 2003, Ban quý tế và dòng họ Nguyễn Tri ở thành phố Hồ Chí Minh xây dựng bia và nhà bia trong khuôn viên di tích, thể hiện tấm lòng tri ân của người dân và con cháu dòng họ Nguyễn Tri đối với công lao của Đức ông Nguyễn Tri Phương.

Năm 2005, Ban quý tế và dòng họ Nguyễn Tri tiếp tục đầu tư kinh phí đúc tượng, xây bệ, nhà bao che và an vị tượng ông ngay phía trước sân đền. Công trình nhà bao che được xây dựng theo kiến trúc truyền thống, bê tông cốt thép, mái dán ngói vảy cá.

Năm 2010, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai đã tu bổ lại chánh điện, các cấu kiện kiến trúc bị hư hỏng được thay thế theo đúng chất liệu, chủng loại vật tư, cấu trúc và mỹ thuật ban đầu.

Trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo đền thờ Nguyễn Tri Phương vẫn giữ được nét cổ kính, tôn nghiêm, các yếu tố di tích gốc được bảo tồn nguyên trạng, cảnh quan và môi trường thiên nhiên cũng được cải thiện, gần gũi, phù hợp với sinh hoạt và tín ngưỡng của người dân, xứng đáng với sự tôn vinh của Nhà nước và ngưỡng vọng của nhân dân.

# 05 | *CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CẤU THÀNH DI TÍCH*





***Nhà bao che và tượng danh tướng Nguyễn Tri Phương***

**Đ**ền thờ Nguyễn Tri Phương được xây dựng trên khu đất bằng phẳng, có diện tích khoảng 2.500m<sup>2</sup>, bên hữu sông Đồng Nai, trên đường thiên lý Bắc - Nam (nay là quốc lộ 1K). Như một sự đấng đối ngẫu nhiên của thiên nhiên và lòng người. Bên tả sông Đồng Nai là đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, người có công đầu trong việc khai khẩn, trị an vùng đất phương Nam. Các công trình kiến trúc được xây dựng thời gian khác nhau nhưng đều được bố trí thuận theo phong thủy, hướng về phía sông Đồng Nai.

Ban đầu, mặt bằng tổng thể kiến trúc của ngôi đình có dạng chữ nhị (二) gồm khu chánh điện và khu nhà khách được bố trí song song với nhau theo chiều dọc. Về sau, giữa khu chánh điện và khu nhà khách được kết nối với nhau bởi một hành lang dài 3m tạo thành chữ công (工) các công trình kiến trúc cấu thành di tích được bố trí thứ tự hợp lý: cổng đình, bình phong, cột cờ, nhà võ ca, tiền đình, chánh điện, nhà hội, nhà trù. Sau khi được công nhận là di tích cấp quốc gia, người dân địa phương và dòng họ Nguyễn Tri tại thành phố Hồ Chí Minh đã góp công, góp của xây dựng một số hạng mục kiến trúc mới nhằm tôn vinh công đức danh tướng Nguyễn Tri Phương, tạo nên sự hài hòa giữa các công trình kiến trúc mới và cũ nhưng không làm phá vỡ bố cục và cảnh quan của di tích. Các hạng mục kiến trúc cũ như: nhà võ ca, tiền đình, chánh điện, nhà hội, nhà trù cấu kiện chủ yếu bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương và ngói vảy cá được phủ lên lớp bụi thời gian, tạo nên sự cổ kính, linh thiêng, huyền bí. Các hạng mục kiến trúc mới được xây dựng bằng vật liệu kiên cố, bê tông cốt thép vững chãi, bề thế mang dấu ấn của thời kỳ kinh tế hội nhập phát triển và sự đa dạng phong phú của các chủng loại vật liệu xây dựng mới.

## **1. Cổng đình**

Người Việt rất quan tâm đến cổng nhà, cổng làng, cổng đình. Cổng vừa là cửa ra vào, vừa là ranh giới “chủ khách” đón khách từ đầu cổng,



tiền khách ra khỏi cổng như một phong tục truyền thống tốt đẹp của người Việt. Cổng đình quy mô lớn nhỏ, tùy thuộc vào diện tích và thể đất, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán của địa phương. Trên lối vào đền thờ Nguyễn Tri Phương có hai cổng. Cổng được sử dụng thường xuyên trên lối vào bên phải nhà khách. Cổng còn lại trên đường độc đạo dẫn vào đình và bến sông. Cổng chính được xây dựng đơn giản, không có cửa, trụ đúc bê tông cốt thép; trên đầu hai trụ có hai tượng kỳ lân bằng gốm men xanh. Nối hai trụ là tấm biển “Đền thờ Nguyễn Tri Phương” bằng bê tông dài 3.20m, rộng 1.20m, họa tiết hoa văn trang trí theo lối truyền thống rồng, lân mây mang ý nghĩa âm dương hòa hợp, mưa thuận gió hòa. Cổng phụ ít sử dụng, chỉ mở những ngày có lễ tiết.

## **2. Bình phong**

Nằm trên trục chính của ngôi đền hướng về phía sông Đồng Nai đón gió lành. Bức bình phong án ngữ làm nhiệm vụ trấn yểm tà ma, chướng khí không cho vào quấy phá trong đình. Mặt trước là nội dung bằng công nhận di tích. Mặt sau đắp nổi hình long mã kiệu hà đồ và mây ngũ sắc, sơn nhũ vàng, đường nét sắc sảo. Trên đỉnh đắp hình hổ phù, hai bên đắp nổi cặp rồng châu tạo cho bức bình phong trong thế vững chãi, uy nghi, bề thế nhưng vẫn giữ được phong cách truyền thống, đậm đà chất dân gian.

## **3. Tiền đình**

Tiền đình có diện tích gần 100m<sup>2</sup>, theo lối kiến trúc truyền thống kiểu nhà tiên trính ba gian, hai chái. Kết cấu bê tông cốt thép, tường gạch. Mái lợp ngói tây, nền lót gạch bông. Mặt tiền đình đắp nổi dòng chữ quốc ngữ: Mỹ Khánh đình - 1873 - Đền thờ Nguyễn Tri Phương. Theo lý giải của các kỳ lão, sở dĩ có dòng chữ trên vì đền thờ Nguyễn Tri phương hiện nay nguyên thủy là đình làng Mỹ Khánh. Mỹ Khánh vừa là tên làng, vừa là tên đình như nhắc nhở các thế hệ mai sau về nguồn cội. Năm 1873 là mốc lịch sử quan trọng thành Hà Nội rơi vào tay Pháp,

đất nước ta mất đi một danh tướng tài ba, đức độ đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đánh đuổi ngoại bang, đây cũng là năm người dân làng Mỹ Khánh - Biên Hòa kính cẩn rước linh vị ông vào thờ trong đình, rồi đổi tên đình thành đền thờ Nguyễn Tri Phương, tôn ông là vị phúc thần.

Trên bờ nóc trang trí tượng gốm lý ngư hóa long (cá chép hóa rồng). Bờ nóc phía trước có tượng ông Nhật, bà Nguyệt. Giữa bờ mái nóc trang trí lưỡng long tranh châu gốm men xanh, loại gốm truyền thống của Biên Hòa. Đồ án trang trí trên bờ nóc, bờ mái tiền đình thể hiện ý nguyện cầu cho mưa thuận gió hòa, thái bình thịnh trị và sự tươi sáng, đỗ đạt.

Tiền đình được chia thành ba gian đều nhau với bốn hàng cột tròn bê tông cốt thép. Hai cột ở gian giữa treo cặp liễn đối chữ Hán có nội dung:

#### Phiên âm

- *Miếu vũ quang huy toàn lai thân oai mặc hựu*
- *Đình trung tráng lệ quân chiêm thánh đức âm phò*

#### Dịch nghĩa

- *Ngôi miếu rực rỡ, tất cả đều nhờ ở cái oai của thần che chở*
- *Ngôi đình xinh đẹp tất cả đều được thấm nhuần cái đức của bậc thánh nhân phò hộ*

Trên xà ngang được bố trí bức hoành phi bằng gỗ khắc chữ Hán, sơn son thếp vàng, có nội dung:

#### Phiên âm

*"Sơn Hà tú"*

### Dịch nghĩa

- Núi sông tươi đẹp

### Phiên âm

"Thùy bảo hộ"

### Dịch nghĩa

- Mãi mãi che chở giữ gìn

### Phiên âm

"Hạc nhạc chung"

### Dịch nghĩa

- Khí thiêng non núi cũng vang rền

Cách bài trí trong tiền đình khá đơn giản. Chỉ có một bàn thờ, trên bàn thờ đặt tượng danh tướng Nguyễn Tri Phương (tượng bán thân bằng đồng), do Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tặng nhân dịp kỷ niệm 310 năm hình thành và phát triển xứ Biên Hòa - Đồng Nai (1698 - 2008). Đặc biệt trong tiền đình còn thờ tượng Bạch Mã. Theo người dân địa phương Bạch Mã là ngựa chiến của danh tướng Nguyễn Tri Phương đã cùng ông tiên phong chỉ huy đánh giặc. Hai gian tả, hữu bố trí một số đại nhạc khí: mõ bằng gỗ, chinh đồng, chuông đồng và long đình. Các đại nhạc khí trên chỉ sử dụng trong các dịp lễ tiết chính.

## **4. Chánh điện**

Chánh điện có diện tích 114,5m<sup>2</sup>, chia làm ba gian, gian chính giữa rộng hơn hai gian hai bên (trái, phải) theo lối kiến trúc nhà rường, hay

còn gọi là nhà tứ trụ, nhà vuông bốn mái. Hệ thống khung sườn được làm bằng các loại gỗ quý đặc hữu của rừng miền Đông Nam Bộ như: căm xe, sao, dầu, gỗ,... nhưng không có chạm khắc gì đặc biệt. Mái lợp ngói âm dương, bờ nóc trang trí tượng gốm lưỡng long tranh châu. Nền được bó bằng đá tổ ong, loại đá tự nhiên sẵn có ở địa phương. Hành lang rộng 1.50m, chạy dọc hai bên về phía sau. Có hai cửa chính và một cửa phụ theo kiểu thượng song, hạ bản rất phổ biến trong kiến trúc truyền thống của người Việt, chắc chắn, tiện dụng, thông gió và có thể tháo dỡ khi cần thiết. Hệ thống bao lam, cửa võng chạm khắc tinh tế các đề tài truyền thống: lưỡng long tranh châu, rồng ẩn mây, cúc, mai, chim, thú,... tất cả đều được sơn son thếp vàng.

Gian chính giữa, nơi trang trọng nhất. Tượng danh tướng Nguyễn Tri Phương được an vị trên ngai với thần thái tinh anh, trong y phục võ quan. Tương truyền: sau khi danh tướng Nguyễn Tri Phương qua đời, một bô lão ở địa phương nằm mộng thấy ông hiện về với áo mão lẫm liệt, binh khí trong tay oai hùng. Cảm kích trước tấm lòng đại nghĩa vì nước quên thân của danh tướng Nguyễn Tri Phương. Ông đã chặt cây mít nhà mình, tự tay tạc tượng như hình trong mộng dâng cúng thờ trong đình. Phía sau tượng là hương án bằng gỗ chạm nổi dòng chữ Thành Hoàng Bốn Cảnh, hai bên là bộ áo mão. Tương truyền bộ áo mão này là của danh tướng Nguyễn Tri Phương.

Hai bên bàn thờ thần là bàn thờ tả ban liệt vị, hữu ban liệt vị. Thần tả ban, hữu ban là thuộc hạ của Thần Thành Hoàng có nhiệm vụ bảo vệ cho Thần Thành Hoàng. Danh xưng tả ban, hữu ban chỉ là ý niệm chứ không mang danh tính cụ thể là những vị thần nào. Bàn thờ hữu ban có câu đối:

### Phiên âm

*Trần phối kiên cung chiêu tạnh lễ.  
Tôn linh khánh tích quảng gia tường.*

### Dịch nghĩa

*Với lòng cung kính lâu bền vì đã có được vị thần xứng đáng, sự cung kính này được biểu lộ bằng buổi lễ lớn.*

*Với lòng kính trọng sự hiển linh của thần, vì đã được phước lành, cho nên người dân nguyện cho điềm tốt lành đó được mở rộng thêm.*

Bàn thờ tả ban có câu đối:

### Phiên âm

*Đức phối chí tôn chiêu hữu vị.*

*Kính trần tây chúc triển vi thành.*

### Dịch nghĩa

*Cái đức của thần linh xứng đáng với vai trò của vua ban, thể hiện đúng địa vị của mình.*

*Bày tỏ lòng tôn kính của mình, thần linh cầu mong được vua soi xét đến chút lòng thành.*

Điều khá đặc biệt trên ban thờ tả ban, hữu ban đều có một pho tượng trong tư thế đứng, khoác áo kim sa, đội mũ. Có ý kiến cho rằng, một bên là Tán lý Định Biên Nguyễn Duy, em của danh tướng Nguyễn Tri Phương, hy sinh tại đại đồn Chí Hòa năm 1861. Một bên là Nguyễn Lâm - con trai của danh tướng Nguyễn Tri Phương đã hy sinh năm 1873 tại thành Hà Nội.

Phía trước khám thờ thần được bài trí một bàn đá, trên đặt long ngai và bài vị. Nội dung bài vị là nội dung sắc phong của Thần Thành Hoàng đình làng Mỹ Khánh.

Đọc hai bên tả, hữu chánh điện bài trí các bàn thờ: Lịch Đại, Bạch Mã, Thái Giám, Sơn Quân, Thổ Công, Hà Bá.

Bàn thờ Lịch Đại có câu đối:

Phiên âm

*Tiên thiên hệ dĩ công bạt tụy.  
Hậu thiên dã dĩ chánh siêu quân.*

Dịch nghĩa

*Ở giai đoạn tiên thiên, công của người xưa là đã biết cách đào tạo nhân tài rồi cất nhắc nhân tài để dùng.  
Ở giai đoạn hậu thiên, con cháu phải biết lấy chánh nghĩa để hơn người.*

Bàn thờ Bạch Mã có câu đối:

Phiên âm

*Thánh đức đàm phô phiến lục nhĩ.  
Ân giáng quang cực tịnh lưu huê.*

Dịch nghĩa

*Cái đức của thánh nhân thật sâu rộng như bảo hộ ngựa lục nhĩ/ngựa quý.  
Cái ơn của thần linh giáng xuống mệnh mông như giữ yên ngựa lưu huê.*

Bàn thờ Thái Giám có câu đối:

Phiên âm

*Lại thần ân tứ dân địch cát.  
Bị thánh trạch vạn vật hàm hanh.*

Dịch nghĩa

*Nhờ ơn thần linh mà bốn hạng dân được đón những sự thái bình.  
Đội cái đức trạch của thánh nhân mà vạn vật được hàm hạnh.*

Bàn thờ Sơn Quân có câu đối:

Phiên âm

*Tự cổ giáng thần đa tại nhạc.  
Tùng kim trí tự tiểu thân kiên.*

Dịch nghĩa

*Từ xưa thần giáng phần lớn là ở trên núi cao.  
Từ nay công việc kể tự giảm đi sự mưu cầu lợi lộc.*

Bàn thờ Thổ Công có câu đối

Phiên âm

*Địa diện tuần tuyên khâm hữu mệnh.  
Nhân gian thiện ác báo vô tư.*

Dịch nghĩa

*Công việc tuần xét những gì trên mặt đất là vâng theo mệnh vua.  
Những điều thiện ác trong nhân gian đều báo rõ một cách vô tư.*

Bàn thờ Hà Bá có câu đối:

Phiên âm

*Vân trung loan phụng phò đơn bị.*



*Thủy để ngư long chức thúy ba.*

Dịch nghĩa

*Trong mây chim loan phượng đang phò trợ cho chiếc trang sức màu son.*

*Dưới đáy nước cá và rồng đang dệt thành những đóa hoa xanh tươi.*

Chánh điện là nơi quan trọng nhất, vì thế được bày trí rất nhiều bao lam, hoành phi, câu đối, đồ thờ cúng. Mỗi bức bao lam, hoành phi, liễn đối được chạm khắc những đề tài khác nhau: tứ linh, tứ quý, lưỡng long triều dương, rồng ẩn mây, long phụng, nai - lộc, dơi - tiền, tất cả đều được sơn son, thếp vàng... thể hiện những khát khao, ước vọng về hạnh phúc, phồn vinh, tước lộc, công hầu theo quan niệm của người Việt.

Hệ thống bao lam, cửa võng, hoành phi liễn đối được các nghệ nhân dân gian tài hoa thể hiện các đồ án hoa văn chạm khắc tinh tế, ẩn chứa những triết lý nhân văn sâu sắc làm tăng sự uy nghiêm, bề thế, cổ kính của chánh điện.

Phần lớn các hoành phi, liễn đối trong chánh điện bằng chữ Hán, có nội dung ca ngợi đình, miếu, ca ngợi thần linh, hướng con người tới chân thiện mỹ.

- Hoành phi thứ nhất:

Phiên âm

*"Hộ quốc tỵ dân"*

Dịch nghĩa

*Thần linh lo việc bảo hộ cho nước, che chở cho dân.*

- Hoàn phi thứ hai:

Phiên âm

*"An thịnh trị"*

Dịch nghĩa

*Thần linh lo việc bảo an, làm cho người dân được thịnh trị.*

- Hoàn phi thứ ba:

Phiên âm

*"Tiến khương ninh"*

Dịch nghĩa

*Thần linh lo việc mạnh khỏe và yên lành.*

- Hoàn phi thứ tư:

Phiên âm

*"Đức trạch đồng nhân"*

Dịch nghĩa

*Ân đức đầy đủ, dồi dào luôn thấm nhuần đến tất cả mọi người,  
không phân biệt hèn sang.*

- Hoàn phi thứ năm:

Phiên âm

"Trạc quyết linh"

Dịch nghĩa

Oai thần thật linh hiển và tuyệt vời.

Nội dung các liễn đối trong chánh điện đền thờ Nguyễn Tri Phương:

- Liễn đối thứ nhất:

Phiên âm

Chính trực anh linh hộ ấp thiên niên lạc nghiệp  
Trần minh phổ chiếu phò thôn vạn đại an cư

Dịch nghĩa

Lòng ngay thẳng anh linh của thần đã bảo hộ cho thôn ấp được lạc nghiệp mãi ngàn năm  
Sự sáng suốt của thần đã soi sáng khắp nơi phò hộ cho thôn ấp được an cư đến vạn năm

- Liễn đối thứ hai:

Phiên âm

Hộ quốc vận kiếm thù huân, vạn cổ thanh danh dương Bách Việt.  
Bẩm triều đình vinh cáo mệnh thiên thu nghi biểu đạt quần phương.

Dịch nghĩa

Thần linh bảo hộ cho vận nước đã dựng nên công lao giới giang,

*nhờ vậy mà thanh danh được mở rộng vạn năm nơi Bách Việt  
Thần linh vâng mệnh triều đình, làm vẻ vang sắc mệnh vua ban,  
nhờ vậy mà nghi biểu được lan rộng khắp mọi nơi*

- Liễn đối thứ ba:

### Phiên âm

*Thánh đức bố tứ phương thương hạ tôn ty đồng cảnh ngưỡng.  
Thần ân không lục hợp ủng công thương giả tận hàm hạnh.*

### Dịch nghĩa

*Cái đức của thánh nhân trải đầy bốn cõi nên bất luận trên, dưới,  
sang, hèn đều cùng trông thấy mà ngưỡng kính.  
Cái ân của thần linh chuyển luân vũ trụ khiến mọi giới nông, công,  
thương không ai không cảm ứng để hạnh thông mọi bề.*

## **5. Nhà khách**

Được xây dựng khá đơn giản, theo lối kiến trúc nhà tiên trính, ba gian đều nhau. Mái lợp ngói âm dương, nền lát gạch tàu, vì kèo, đòn tay, rui mè bằng gỗ, cột vuông xây bằng gạch. Bên trong không bài trí bàn thờ, hoành phi liễn đối. Không gian thông thoáng rất thuận lợi trong tiếp đãi khách nhất là trong các dịp lễ tiết lớn.

## **6. Nhà thờ tiên bối**

Được xây dựng theo lối kiến trúc nhà rường (nhà vuông bốn mái). Hệ thống khung, sườn bằng gỗ, được liên kết với nhau bằng mộng chốt. Không gian khá rộng, thông thoáng. Bên trong bài trí đơn giản, gồm: một hương án bằng gỗ được chạm khắc tỉ mỉ theo lối truyền thống và khám thờ tiên sư, tiên hiền, hậu hiền, tiền bối, hậu bối, tiền đại hưng vọng. Tất cả được bài trí theo thứ tự, trước sau trang trọng thuận lợi cho

việc cúng tế.

## **7. Đàn thờ Thần Nông**

Đàn thờ Thần Nông được xây dựng đơn giản, quy mô nhỏ, bên trong có bàn thờ, bức tường phía sau ban thờ khắc chữ Đức Thần Nông. Theo các nhà nghiên cứu *“Thần Nông là vị thần phù hộ cho nông dân được thuận lợi bội thu. Theo truyền thuyết, Thần Nông đã dạy cho dân trồng trọt và cũng đã từng nghĩ ra kiểu nhà mái bằng để con người tránh mưa nắng”*<sup>9</sup>.

## **8. Đàn thờ Chiến sĩ trận vong**

Đàn thờ Chiến sĩ trận vong được xây dựng đơn giản, bằng vật liệu kiên cố gạch, cát, xi măng. Đàn thờ có hai mặt, mặt trước khắc chữ “Đài chiến sĩ”, mặt sau khắc chữ “Vị quốc vong thân”. Đối tượng thờ ở đây là những chiến sĩ trận vong.

## **9. Bia vinh danh công trạng danh tướng Nguyễn Tri Phương**

Bia được xây vào năm 2002, bằng đá xanh Bửu Long, có kích thước 1,2m x 2,1m. Văn bia được khắc chìm, phủ một lớp màu vàng, với nội dung:

*“Anh hùng dân tộc Nguyễn Tri Phương (1800 - 1873): Nguyễn Tri Phương tên thật là Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh, hiệu là Đồng Xuyên, sinh ngày 21 tháng 7 năm Canh Thân (1800)[1], quê làng Đường Long (Chí Long) Chánh Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Nguyễn Tri Phương là tên vua Tự Đức ban cho năm 1850. Từ năm 1820, trải qua ba triều đại Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Ông từng khai hoang, lập ấp, lập đồn điền. Từng vượt biên sang Tàu, Philippin, Singapore, Ấn Độ để làm việc công. Lại cùng cầm quân xuôi ngược Bắc Nam, Capuchia, đánh với giặc khách*

---

(9) Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả (Bào tàng Đồng Nai). *Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa*. NXB Đồng Nai, 1998.

*Xiêm, Miên, Pháp, Tây Ban Nha. Công cao đức cả, rạng danh đệ nhất quân thần trí dũng tướng, Tráng Liệt Bá, Thái tử Thái Bảo, Võ hiền diện đại học sỹ mà vẫn một lòng vì nước, vì dân, chí công vô tư, suốt đời thanh bạch. Năm 1858, Nguyễn Tri Phương tổng thống đại thần quân Quảng Nam, chủ trương chiến lược đánh giằng dai, đánh bại kế hoạch chiến lược của tướng Pháp Rigault de Genouilly mưu chiếm Huế trong một tuần lễ và chiếm đóng lâu dài Đà Nẵng, buộc Pháp phải chuyển hướng vào Nam, rút khỏi Đà Nẵng ngày 23-3-1860. Ngày 25-2-1861, Nguyễn Tri Phương tổng thống quân thứ Gia Định, giao chiến với Pháp tại Chí Hòa, bị trọng thương. Tán lý Nguyễn Duy, em ông tử trận. Ông cùng quân đội rút về phòng ngự tại Biên Hòa. Tháng 8-1872, ông được phái ra Bắc theo lệnh vua Tự Đức, ngày 27-5-1873, ông về giữ thành Hà Nội. Mờ sáng ngày 20-11-1873 Garnier kéo quân đến đánh úp. Nguyễn Tri Phương bị thương nặng. Con ông, Phò mã Nguyễn Lâm tử trận, thành Hà Nội thất thủ. Ông được quân Pháp cứu chữa, nhưng ông khảng khái từ chối, khước từ mọi dụ dỗ của quân Pháp, ông tuyệt thực gần một tháng. Đến ngày 20-12-1873 (ngày 01-11 năm Quý Dậu) ông tử tiết. Chủ tịch Hồ Chí Minh hết lời ca ngợi:*

*Hoàng Diệu với Nguyễn Tri Phương  
Cùng thành còn mất làm gương để đời  
(Hệ tộc Nguyễn Tri và nhân dân cùng lập báo năm Ất Hợi 1995)*

## **10. Nhà bao che**

Nhà bao che tượng có diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>. Kết cấu bê tông cốt thép, mái dán ngói âm dương, gốm men xanh. Trên bờ nóc mái trang trí tượng lưỡng long triều dương. Bốn cột chính đắp nổi hình rồng quấn quanh thân cột ở tư thế long thăng. Hai bên bệ tượng là cặp chim hạc đứng trên lưng rùa cùng châu. Tất cả các mảng trang trí nhà bao che đều được sơn màu vàng.

06

**- DI SẢN VĂN HÓA  
VẬT THỂ & PHI VẬT  
THỂ TIÊU BIỂU  
- LỄ TIẾT CHÍNH  
TRONG NĂM**





*Nhà bia xây dựng năm 1995*